

Số:254/QĐ-CTHADS

Quảng Bình, ngày 30 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung
dự toán ngân sách năm 2022.**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 253/QĐ-CTHADS ngày 29/8/2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2022 cho các đơn vị dự toán trực thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình, Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Cục, Kế toán trưởng hành chính sự nghiệp các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Vụ KHTC - TCTHADS;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu :Kế toán, VT.



Mai Công Danh

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Cục THADS tỉnh Quảng Bình
Chương: 014



DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022

Kèm theo Quyết định số 254/QĐ-CTHADS ngày 30/8/2022 của Cục trưởng Cục THADS tỉnh Quảng Bình)
Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/ đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Đơn vị trực thuộc									
				VP Cục	THA Đồng Hới	THA Tuyên Hóa	THA Minh Hóa	THA Lệ Thủy	THA Quảng Ninh	THA Bố Trạch	THA Quảng Trạch	THA Ba Đồn	
1		3	4=5+...+13	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0										
I	Số thu phí, lệ phí	0	0										
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0										
I	Chi sự nghiệp.....	0	0										
2	Chi quản lý hành chính (kể cả nộp Tổng cục)	0	0										
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0										
I	Lệ phí	0	0										
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	902.490	902.490	320.300	67.660	71.320	71.850	79.750	71.320	79.750	70.270	70.270	
I	Nguồn ngân sách trong nước	808.790	808.790	226.600	67.660	71.320	71.850	79.750	71.320	79.750	70.270	70.270	
1	Chi quản lý hành chính	808.790	808.790	226.600	67.660	71.320	71.850	79.750	71.320	79.750	70.270	70.270	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	223.570	223.570	72.910	15.410	20.200	20.890	18.150	20.200	18.150	18.830	18.830	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	585.220	585.220	153.690	52.250	51.120	50.960	61.600	51.120	61.600	51.440	51.440	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0										
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0	0										
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	0	0										
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0										
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	93.700	93.700	93.700	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0										
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	93.700	93.700	93.700									
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0										
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0										
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0										
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0										
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0										
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0										
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0										

Handwritten signature